TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**
2. Bà **Trần Thị Yến Nhi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Hoàng Thị Kim C – sinh năm 1978

Nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Minh T– sinh năm 1983

Nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh Đồng Nai.

(chị C, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2025; lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn là chị Hoàng Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: chị C và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, (xã L, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 30/11/2006. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, anh T có hành vi dùng vũ lực đánh chị nhiều lần, việc này chị có trình báo Công an xã L và Công an có mời anh T lên làm việc. Ngoài ra cách đây khoảng 07 năm chị không nhớ rõ cụ thể năm nào chị có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhưng sau đó chị lại rút đơn về

đoàn tụ gia đình. Nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng không thể hàn gắn được và để ổn định cuộc sống riêng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: chị C, anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thái T1 – sinh ngày 04/9/2006, Nguyễn Hoàng T1 Anh – sinh ngày 07/01/2020. Khi ly hôn chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 Anh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày ý kiến như sau:

Về hôn nhân: anh và chị Hoàng Thị Kim C tự nguyên kết hôn vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, (xã L, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai. Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh diễn ra bình thường, có đôi lúc xảy ra cãi vã và trong lúc cãi vã do không kìm chế được anh có tát chị C, đỉnh điểm đến tháng 7/2025 thì xảy ra xô xát, trong lúc cãi vã anh có tát, đánh chị C vài cái, tuy nhiên việc này không xảy thương tích gì. Hiện nay vợ chồng anh mỗi người sống riêng 01 nhà, vợ chồng anh vẫn còn nói chuyện với nhau nhưng do chị C vẫn còn giận việc bị anh đánh nên mới làm đơn khởi kiện ly hôn với anh. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, lý do là anh vẫn còn tình cảm và yêu thương vợ, các con vẫn còn nhỏ.

- Về con chung: anh T và chị C có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thái T1 – sinh ngày 04/9/2006, Nguyễn Hoàng T1 Anh – sinh ngày 07/01/2020, trường hợp ly hôn anh đồng ý giao cháu T1 Anh cho chị C nuôi dưỡng. Cháu Thái T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:**

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị C, cho chị Hoàng Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng T1 Anh – sinh ngày 07/01/2020 cho chị C nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị C không yêu cầu, cháu T1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

- Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn anh Nguyễn Minh T cư trú xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị C yêu cầu khởi kiện ly hôn tranh chấp nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: chị Hoàng Thị Kim C là nguyên đơn; anh Nguyễn Minh T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do chính đáng; chị C có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Chị C, anh T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, (xã L, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị C, anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đời sống hôn nhân của chị C, anh T hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, xung đột. Bị đơn anh T thừa nhận trong lúc cãi vã nhau thì anh có đánh chị C, nhưng đây là hành động trong lúc nóng giận.

Hiện nay chị C, anh T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc này phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Từ những lý do nêu trên, xác định được chị C, anh T trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung: chị C, anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thái T1 – sinh ngày 04/9/2006, Nguyễn Hoàng T1 Anh – sinh ngày 07/01/2020, các bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoàng T1 Anh cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự nên được ghi nhận, đối với cháu NTguyễn Hoàng Thái

T1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5.3] Về tài sản: các đương sự tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

[5.4] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 85, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Kim C. chị Hoàng Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T1 Anh – sinh ngày 07/01/2020 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ trong việc đi lại thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này. Vì quyền và lợi ích của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: các đương sự tự thỏa thuận, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số 0021194 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị C đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tuấn